

Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

○ NGUYỄN VĂN TUẤN

Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang

Tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng (NBD) đến hệ sinh thái Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) rất lớn. Chính quyền địa phương, người dân trong cuộc sống sinh kế có các giải pháp hữu hiệu trong thích ứng, ứng phó BĐKH sẽ góp phần đáng kể trong giảm thiểu tai, BVMT, phát triển hệ sinh thái ĐBSCL bền vững.

Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên xấp xỉ 39.734 km², chiếm trên 4% diện tích toàn lưu vực sông Mê Công; nằm trọn trong khu vực Châu Á gió mùa. Mỗi năm chỉ có 2 mùa là mùa nắng và mùa mưa. Mùa mưa kéo dài trong từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô kéo dài trong 7 tháng còn lại của năm. Từ giữa đến cuối mùa mưa, khu vực phía Tây và phía Bắc Đồng bằng bị ngập lũ từ sông Mê Công, ước tính có khoảng 1.2 – 1.9 triệu ha bị ngập lũ, chủ yếu là vùng Tứ giác Long Xuyên, vùng Đồng Tháp Mười và vùng giữa sông Tiền, sông Hậu. Nước mặn xâm nhập từ biển làm ảnh hưởng trên 50% diện tích canh tác, đặc biệt là vào mùa khô. Ngoài ra, vấn đề đất phèn – nước phèn luôn là một

thử thách cho canh tác nông nghiệp ở đây; tổng diện tích đất phèn ở ĐBSCL khoảng 1,6 triệu ha. Hệ sinh thái vùng ĐBSCL được đánh giá nhạy cảm với các biến động thời tiết và động thái, cũng như chất lượng nguồn nước. ĐBSCL có hơn 2,4 triệu ha đất canh tác nông nghiệp và khoảng 700.000 ha nuôi trồng thủy, bảo đảm cung cấp trên 50% sản lượng lúa và 65% sản lượng thủy sản nước ngọt và nước lợ cho cả nước. Trong tương lai, nhiều vùng bảo tồn đất ngập nước như Tràm Chim, U Minh Thượng, Láng Sen, Trà Sư, Hà Tiên, Vồ Dơi, Bãi Bồi, Đất Mũi, Lung Ngọc Hoàng bị ảnh hưởng. Diện tích canh tác nông nghiệp như lúa, màu, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản sẽ bị thu hẹp, năng suất và sản lượng sẽ suy giảm, điều này có thể đe dọa an ninh lương thực quốc gia. Theo bà Nguyễn Thị Kim Lan, Phân viện KTTV&MT phía Nam, tổng diện tích bãi triều ĐBSCL khoảng 53.400 ha chịu tác động mạnh mẽ của bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, NBD vào nguồn nước sông Mê Công, giảm đi vào mùa khô, tăng cường vào mùa mưa. ĐBSCL có 15 cửa sông thuộc 3 nhóm: Cửa sông châu thổ, cửa sông biển (cửa sông lạch triều) và cửa sông trung gian giữa nhóm cửa sông

châu thổ và cửa sông biển. Sông sẽ bị xâm thực mạnh hơn; cây chịu độ mặn thấp xâm nhập dần vào đất liền. Giữ rừng và trồng rừng cửa sông là giải pháp ứng phó đầu tiên khi NBD. Trong khi, rừng ngập mặn (RNM) ở ĐBSCL chỉ còn khoảng 94.000 ha, rừng nguyên sinh hầu như không còn nữa. BĐKH và NBD tác động bất lợi đến RNM, phá hủy từng bộ phận, làm giảm năng suất sinh học và thu hẹp diện tích phân bố. Do đó, chính quyền địa phương cần có chiến lược bảo vệ và tái tạo RNM với các giải pháp cụ thể cần được đặt ra trong mỗi quan hệ của sự phát triển tổng thể KT-XH và môi trường vùng này. BĐKH và NBD làm diện tích đất nhiễm mặn tăng; mùa khô kéo dài (có thể đến hết tháng 5), và thời gian nhiễm mặn tăng, mùa mưa rút ngắn, lượng mưa trong mùa tăng.

Bài học kinh nghiệm của chính quyền và người dân

Trước các tác động của BĐKH, vấn đề thủy lợi được coi là công cụ hàng đầu với các mức độ kết hợp khác nhau. Các địa phương ĐBSCL nghiên cứu, nhân rộng các giống cây con chịu mặn, thân cao; qui hoạch lại và nâng cao hệ thống đê biển, đê sông. Trước hết, tại các tuyến đê xung yếu như Gành Hào - Đầm Dơi (Cà

Mau, Bạc Liêu), Phong Năm - Kế Sách (Sóc Trăng), Gò Công Đông (Tiền Giang), Giồng Bàng (Trà Vinh) kiên cố hóa hệ thống đê bao chống lũ, các cống, đập khác. Xác định công tác thủy lợi có tầm quan trọng, các tỉnh tập trung chống ngập úng, giảm thiểu sự xâm thực của biển và thiếu nước ngọt sinh hoạt, sản xuất. Các tỉnh ven biển lập phương án chắn sóng gió, triều cường; gia tăng diện tích rừng ngập nước chống xâm thực, điều hòa khí hậu.

Từ xưa, người dân vùng ĐBSCL đã sáng tạo ra nhiều hình thức "sống chung với lũ", xây đê lũy, cất nhà sàn, điều chỉnh lịch thời vụ, chọn các giống lúa thích hợp. Tất cả các phương cách đối phó của người dân ĐBSCL thường mang tính tự phát, hoặc chọn lựa theo tình hình, nhằm giảm thiểu tác động và thích ứng với thiên tai. Người dân tận dụng những điều kiện có lợi, né tránh những điều kiện bất lợi. Điều đó có nghĩa, đối phó không phải là chống chọi lại, mà né tránh, hoặc đôi khi phải sống chung với nó. Nhằm thích ứng, giờ đây, họ xây các ao hồ để trữ nước; chọn giống cây có tính kháng chịu bất lợi về thời tiết, điều chỉnh thời vụ, trồng lúa vào mùa mưa và nuôi tôm vào mùa khô ở các vùng ven biển, sử dụng nguồn khí sinh học năng lượng thay thế. Chính quyền địa phương xây dựng đê biển, trồng cây, trồng rừng để bảo vệ vùng ven biển, thiết lập các cống ngăn mặn ở vùng ven biển, xây dựng các nhà cộng đồng làm nơi cư ngụ tránh lũ bão. Người dân đã thực thi và phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái hoàn toàn thân thiện và phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng. Về

sinh hoạt, theo truyền thống nhà cửa của cư dân vùng ĐBSCL luôn hướng ra kênh, rạch. Ruộng vườn sau nhà thuận tiện cho chăm sóc các loại cây trồng, vật nuôi, tận dụng được các loại rác thải hữu cơ trong sinh hoạt cho sản xuất, giảm ô nhiễm, đồng thời, khai thác, đánh bắt các loài thủy sản. Để đối phó với mùa khô thiếu nước, họ đã sử dụng các lu, ao, hầm trữ nước để sử dụng. Về sản xuất nông nghiệp, sự phân bố các vùng canh tác lúa của người dân vùng ĐBSCL là hết sức phù hợp với điều kiện sinh thái. Các vùng canh tác hai vụ lúa thường phân bố ở những nơi có điều kiện về tưới như: Vụ Đông - Xuân; vùng không có khả năng về tưới canh tác với cơ cấu Hè thu - Mùa; trong đó, vụ Hè - Thu chỉ cần nước tưới bổ sung, còn vụ lúa Mùa dựa hoàn toàn vào nước mưa. So với các mô hình canh tác có tưới, rõ ràng mô hình canh tác lúa của nông dân vùng ĐBSCL là mô hình sử dụng rất ít năng lượng. Để đối phó với các hạn chế do lũ, do hạn gây ra người dân đã áp dụng rất sáng tạo các biện pháp làm đất để lợi dụng độ ẩm của đất, hoặc gieo cấy như: sạ ngấm, sạ gửi, cấy lúa hai lần. Trên ruộng lúa, người dân còn dành khoảng 20% diện tích để làm đĩa nuôi cá, tôm; đồng thời, áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại, hạn chế sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu... Các hệ thống nuôi trồng thủy sản xen canh hoặc luân canh với lúa không chỉ giúp tăng thu nhập mà còn giúp cải thiện các điều kiện về đất đai, điều kiện khí hậu, duy trì nguồn nước. Hiện nay, trước sự suy giảm của các hệ sinh thái, con người đã nhận ra sự tồn tại của các hệ thống sản xuất nông nghiệp

truyền thống, một kho tàng vô giá của nhân loại đang bị đe dọa. Các kinh nghiệm của hệ thống sản xuất nông nghiệp truyền thống và bài học kinh nghiệm thực tế mầm có tác dụng thiết thực trong BVMT, thích ứng BĐKH trong khu vực. Sản xuất nông nghiệp sinh thái sẽ là một giải pháp thay thế tốt hơn nền sản xuất chỉ biết dựa vào các sản phẩm của công nghiệp; đồng thời chúng không chỉ làm giảm nhẹ, mà còn thích ứng hài hòa với BĐKH. Trong sản xuất, sự hấp thu thường được xem như là giải pháp tốt nhất cho việc ứng phó với BĐKH. Nhờ tăng cường khả năng hấp thu của các hệ sinh thái nhân tác với các mô hình luân canh, xen canh, đa canh, các hoạt động sản xuất nông nghiệp sinh thái, giảm thiểu sử dụng nguyên liệu hóa thạch thông qua việc giảm sản xuất phân bón.

Trước tác động ngày càng gia tăng của thiên tai KTTV, cơ quan quản lý, chính quyền địa phương, người dân biết khai thác lợi thế của các vùng sinh thái ĐBSCL sẽ phục vụ cho mục đích phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Phát triển kinh tế, bảo vệ bền vững vùng không có nghĩa phải mở rộng diện tích canh tác, nuôi trồng gia tăng sản lượng. Mà trước tiên, những vùng không thích hợp với canh tác lúa và nuôi trồng thủy sản cần cân nhắc chuyển đổi sang canh tác, nuôi trồng các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp. Do đó, tới đây, chính quyền địa phương các cấp cần khuyến khích người dân, cùng với họ ứng dụng, thực hành trong đời sống sản xuất, sinh kế để người dân trong vùng có cuộc sống ổn định.■